

法政経学部 1 年次ガイダンスのグループ分けについて

別紙のとおりグループ分けを行いました。各自グループを確認し指定された時間のガイダンスに参加してください。なお、ガイダンス終了後に学生カードの回収および学生証、各種アカウント（Google Workspace、統合認証システム利用者番号等）の配付を行いますので、【印鑑】を準備願います。

●A グループ（13:00-14:00※開場 12:30）

●B グループ（15:00-16:00※開場 14:30）

※どちらも会場は総合校舎 2 号館になります。

その他連絡事項

・「連帯保証人引受承諾書」について

入学手続き時配布書類（新入生への連絡事項（重要））にて、提出をお願いしていましたが、こちらの提出等は不要です。

Aグループ(13:00-14:00)

※受験番号順に掲載

受験番号	受験番号	受験番号	受験番号
BC 00001	BC 00234	BC 00529	BCX00003
BC 00004	BC 00244	BC 00543	BCX00040
BC 00007	BC 00246	BC 00551	BCX00043
BC 00011	BC 00253	BC 00552	BCX00048
BC 00014	BC 00257	BC 00560	BCX00050
BC 00025	BC 00259	BC 00573	BCX00057
BC 00027	BC 00262	BC 00580	BCX00075
BC 00040	BC 00268	BC 00597	BCX00081
BC 00044	BC 00274	BC 00602	BCX00088
BC 00046	BC 00275	BC 00611	BCX00095
BC 00054	BC 00281	BC 00612	BCX00097
BC 00058	BC 00282	BC 00613	BCX00098
BC 00064	BC 00283	BC 00614	BCX00102
BC 00070	BC 00285	BC 00619	BCX00103
BC 00072	BC 00308	BC 00627	BCX00136
BC 00075	BC 00312	BC 00641	BCX00152
BC 00080	BC 00315	BC 00651	BCX00180
BC 00081	BC 00316	BC 00654	BCX00189
BC 00083	BC 00325	BC 00660	BCX00192
BC 00087	BC 00327	BC 00664	BCX00203
BC 00091	BC 00331	BC 00671	BCX00244
BC 00095	BC 00349	BC 00679	BCX00245
BC 00099	BC 00353	BC 00692	BCX00259
BC 00101	BC 00357	BC 00710	BCX00269
BC 00104	BC 00359	BC 00721	BCX00278
BC 00108	BC 00361	BC 00738	BCX00283
BC 00114	BC 00363	BC 00739	BCX00299
BC 00118	BC 00378	BC 00740	BCX00319
BC 00120	BC 00382	BC 00756	BCX00335
BC 00127	BC 00393	BC 00759	BCX00341
BC 00144	BC 00396	BC 00764	BCX00349
BC 00146	BC 00401	BC 00772	BCX00358
BC 00148	BC 00415	BC 00775	BCX00368
BC 00151	BC 00425	BC 00790	BCX00379
BC 00155	BC 00426	BC 00791	BCX00384
BC 00165	BC 00428	BC 00793	BCX00392
BC 00167	BC 00430	BC 00808	BCX00401
BC 00168	BC 00432	BC 00809	BCX00410
BC 00175	BC 00434	BC 00823	BCX00431
BC 00178	BC 00439	BC 00826	
BC 00183	BC 00457	BC 00851	
BC 00185	BC 00462	BC 00860	
BC 00186	BC 00463	BC 00862	
BC 00194	BC 00464	BC 00866	
BC 00197	BC 00468	BC 00870	
BC 00208	BC 00469	BC 00882	
BC 00212	BC 00480	BC 00901	
BC 00217	BC 00501	BC 00903	
BC 00224	BC 00516	BC 00905	
BC 00229	BC 00528	BC 00917	

Bグループ(15:00-16:00)

※受験番号順に掲載

受験番号	受験番号	受験番号	受験番号
BC 00018	BC 00314	BC 00570	BC 00861
BC 00020	BC 00320	BC 00575	BC 00867
BC 00023	BC 00328	BC 00579	BC 00868
BC 00026	BC 00329	BC 00587	BC 00874
BC 00028	BC 00332	BC 00596	BC 00876
BC 00030	BC 00333	BC 00600	BC 00887
BC 00032	BC 00339	BC 00606	BC 00896
BC 00036	BC 00348	BC 00607	BC 00904
BC 00043	BC 00351	BC 00608	BCX00440
BC 00056	BC 00354	BC 00609	BCX00449
BC 00061	BC 00365	BC 00610	BCX00469
BC 00071	BC 00366	BC 00617	BCX00475
BC 00074	BC 00373	BC 00622	BCX00480
BC 00079	BC 00379	BC 00623	BCX00481
BC 00090	BC 00381	BC 00629	BCX00484
BC 00092	BC 00386	BC 00630	BCX00500
BC 00102	BC 00387	BC 00634	BCX00501
BC 00110	BC 00389	BC 00636	BCX00506
BC 00116	BC 00397	BC 00640	BCX00553
BC 00129	BC 00404	BC 00642	BCX00561
BC 00130	BC 00406	BC 00645	BCX00566
BC 00135	BC 00407	BC 00648	BCX00573
BC 00141	BC 00422	BC 00649	BCX00574
BC 00142	BC 00427	BC 00656	BCX00582
BC 00143	BC 00429	BC 00663	BCX00605
BC 00163	BC 00435	BC 00665	BCX00616
BC 00166	BC 00437	BC 00678	BCX00619
BC 00170	BC 00441	BC 00681	BCX00633
BC 00184	BC 00443	BC 00683	BCX00635
BC 00187	BC 00454	BC 00690	BCX00657
BC 00196	BC 00461	BC 00719	BCX00661
BC 00209	BC 00466	BC 00726	BCX00682
BC 00210	BC 00473	BC 00745	BCX00697
BC 00215	BC 00477	BC 00747	BCX00704
BC 00228	BC 00478	BC 00749	BCX00715
BC 00233	BC 00483	BC 00751	BCX00726
BC 00242	BC 00484	BC 00762	BCX00727
BC 00247	BC 00488	BC 00765	BCY00001
BC 00252	BC 00498	BC 00784	
BC 00260	BC 00511	BC 00789	
BC 00261	BC 00512	BC 00794	
BC 00265	BC 00514	BC 00801	
BC 00266	BC 00524	BC 00815	
BC 00279	BC 00527	BC 00817	
BC 00286	BC 00537	BC 00818	
BC 00289	BC 00538	BC 00830	
BC 00290	BC 00544	BC 00837	
BC 00291	BC 00548	BC 00841	
BC 00302	BC 00566	BC 00843	
BC 00307	BC 00569	BC 00852	